

CÔNG TY CP NTACO

Số: 16.04/CV-CBTT
V/v Công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Mã chứng khoán: ATA

Trụ sở Công ty: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0909 415 538

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn

Địa chỉ: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0909 415 538

Loại thông tin công bố: ☐24h ☐72h ☐Yêu cầu ☐Bất thường ☒Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2024 của công ty cổ phần Ntaco

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm

- B/cao thường niên 2024

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Thanh Sơn

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung/*General information*

1. Thông tin khái quát/*General information*

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600513044
- Vốn điều lệ: 119.999.980.000 đồng (*Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 119.999.980.000.000 đồng
- Trụ sở công ty : Số 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, Phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại: 0296.3601255
- Số fax: 0296.3931797
- Website: www.ntacocorp.com.vn

- Mã cổ phiếu: ATA.

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Công ty cổ phần Ntaco thành lập ngày 11/04/2007, vốn điều lệ là 100 tỷ đồng, đăng ký kinh doanh số 5203000066 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 11/04/2007.
- Ngày 08/09/2009 Công ty chính thức niêm yết 10 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ATA.
- Năm 2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 119.999.980.000 đồng và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành số : 16000513044 ngày 15/05/2012.

• *Ngành nghề kinh doanh/Business lines:*

Chế biến Thủy Sản, sản xuất thức ăn thủy sản, sản xuất mua bán bao bì giấy, bao bì PE, PP, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá, nuôi cá, mua bán cá..

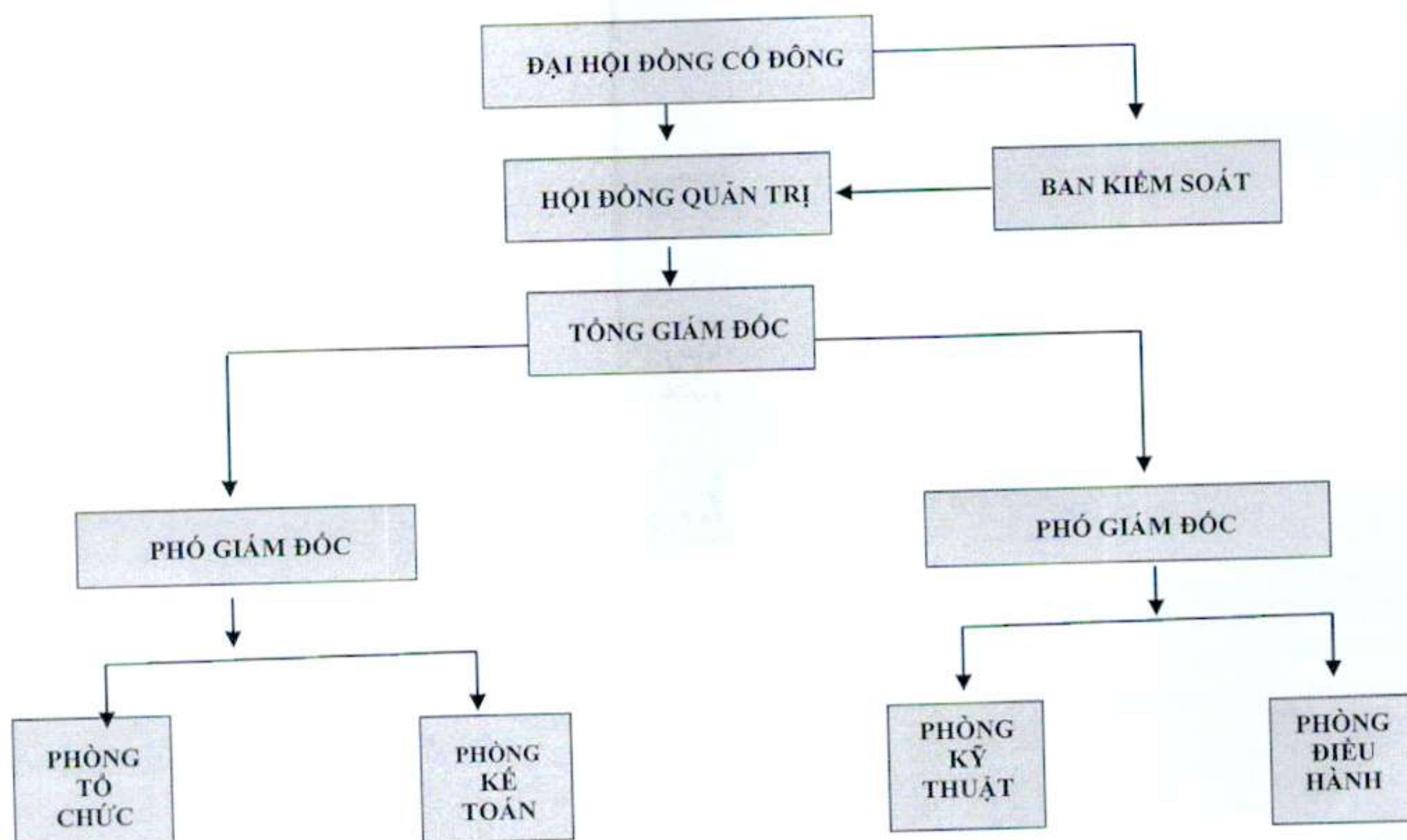
* Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: Tại tỉnh an Giang

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

Gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*:

Công ty không thành lập các công ty con, công ty liên kết chỉ thực hiện một số hợp đồng ngắn hạn.

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*.

+ Mở rộng thị trường kinh doanh, giữ vững niềm tin đối với khách hàng

+ Bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*: Mở rộng phát triển ngành Thủy sản, bất động sản và các ngành dịch vụ khác

- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*:

- Tích cực tham gia công tác xã hội, hỗ trợ cộng đồng, nâng cao nhận thức của nhân viên cũng như tình nguyện tham gia các phong trào kết nối và hỗ trợ cộng đồng cùng phát triển.
- Cải thiện môi trường làm việc, tuân thủ các hoạt động thuộc hệ thống an toàn sức khỏe môi trường cho người lao động.
- Tuân thủ nguyên tắc an toàn vệ sinh môi trường trong công tác sản xuất, cũng như các yêu cầu cần thiết theo hệ thống ISO của thế giới.
- Luôn tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất.

5. Các rủi ro/Risks:

- Khắc phục và ngăn chặn kịp thời các rủi ro chiếm dụng vốn và tài sản
- Hạn chế các rủi ro khách quan do thiếu thông tin khi ký kết và thực hiện hợp đồng giao dịch.

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operation*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year:*

Trong năm 2024 công ty còn dư nợ phải trả 502.196312.513 đồng, vốn chủ sở hữu hiện đang trong tình trạng âm do chưa sử lý được các tài sản hiện hữu, lãi cơ bản trên cổ phiếu hiện ở mức (11).

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan:*

Khoản mục	Kế hoạch 2023	Kết quả 2024	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	0	0	0
Lợi nhuận	(68.198.605)	(134.897.904)	(66.699.299)

So với kế hoạch đặt ra cho năm 2024 chưa đạt yêu cầu, công ty cần xử lý gấp các tài sản hiện có để giải quyết các khoản nợ thuế, bảo tồn tài sản và vốn doanh nghiệp;

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

2.1. Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: NGUYỄN THANH SƠN
- Giới tính: Nam
- Số CCCD : số 001060000191; cấp ngày: 20/07/2021- Nơi cấp: Cục cảnh sát về quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày sinh: 10/07/1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội;
- Tạm trú : B2 Tầng 12 chung cư phúc yên, đường Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 028.62974559
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2015 đến nay là Chủ tịch công ty cổ phần Ntaco
 - + Từ 2017 đến nay: Chủ tịch công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Công ty cổ phần Ntaco
- Số cổ phần nắm giữ: không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b) Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên : TRẦN MINH TRỌNG
- Giới tính: Nam
- Số CCCD : 089090017082 ; cấp ngày: 21/11/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Ngày sinh : 03/02/1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đông Bình Nhất, Vĩnh Thành, Châu Thành, An Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2008-2011 : Đại học tài chính
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên hội đồng quản trị công ty cổ phần Ntaco
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c) Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: UÔNG THỊ HÀ
- Giới tính: Nữ
- Số CCCD : 001171030115 - Cấp ngày: 25/04/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Ngày sinh : 17/07/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 21A Tập thể 108 Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Ngôn ngữ tiếng Anh
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2001 Đại học ngoại ngữ, đại học Quốc Gia Hà Nội.
 - + Từ năm 2020 công tác tại viện bảo tàng Việt Nam
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên hội đồng quản Trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên hội đồng quản trị công ty cổ phần Ntaco
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

- Liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.2. Ban Giám đốc

a) Tổng giám đốc : NGUYỄN THANH SƠN

- Giới tính: Nam
- Số CCCD :số 001060000191- Cấp ngày: 20/07/2021- Nơi cấp: Cục cảnh sát về quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày sinh: 10/07/1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Phường Hàng Đào, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội;
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 028.62974559
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2017 đến nay: Chủ tịch Công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Công ty cổ phần Ntaco
- Số cổ phần nắm giữ: không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b) Kế toán trưởng công ty:

- Họ và tên : NGUYỄN DIỆU LINH
- Giới tính: Nữ
- Số CCCD : 001179018070 ; cấp ngày: 29/04/2021- Nơi cấp: Cục cảnh sát về quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày sinh : 20/03/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Lô 10 ngách 16,ngõ 321 Vĩnh Hưng,Thanh Trì ,Tp Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế tài chính
- Quá trình công tác: Năm 2011 tốt nghiệp đại học tài chính kế toán
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.3. Ban kiểm soát

a)Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN PHÚ MINH
- Giới tính: Nam
- Số CCCD : 079066014646 . Cấp ngày: 14/03/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát về quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Ngày sinh: 27/09/1966

- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 1584 Đường Hồng Lạc, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0296.3601255
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác: Từ năm 1984-1987 Tham gia quân đội.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát-
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không. –
- Số cổ phần nắm giữ: Không-
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không-
- Các khoản nợ đối với công ty: Không-
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không –
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b) Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: GIANG NAM
- Giới tính: Nam
- Số CMND : 023095353 .Cấp ngày: 04/02/2009-Nơi cấp: Tp Hồ Chí Minh
- Ngày sinh: 12/10/1977
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 38B Vũ Chí Hiếu, Phường 13, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0296.3601255
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác: Từ 1995-2000 Trường Đại học ngoại thương
 - + Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không – Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c) Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: LÊ THANH GIÀU
- Giới tính: Nam
- Số CNND :321269279 .Cấp ngày: 05/06/2023 -Nơi cấp: Tỉnh Bến Tre
- Ngày sinh: 31/05/1989
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Ấp Hưng Nhơn, xã Tân Hưng, Huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0296. 3601255

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tháng 10/2015 Tốt nghiệp Đại học kinh tế, khoa quản trị kinh doanh;
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát-
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không. –
- Số cổ phần nắm giữ: Không-
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không-
- Các khoản nợ đối với công ty: Không-
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không –
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

* Những thay đổi trong ban điều hành/*Changes in the Board of Management:*

STT	Thành viên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Nguyễn Thanh sơn	10/07/1960	Quản trị doanh nghiệp	Tổng Giám đốc	02/05/2024	
02	Cao Tuyết Lan	21/02/1977	Quản trị kinh doanh	Thành viên ban kiểm soát	23/12/2017	02/05/2024
03	Trần Minh Trọng	03/02/1980	Quản trị kinh doanh	Kế toán trưởng	01/06/2019	13/05/2024
04	Nguyễn Diệu Linh	20/03/1979	Cử nhân tài chính kế toán	Kế toán trưởng	13/01/2025	

05	Nguyễn Phú Minh	27/09/1966	Cử nhân Luật	Trưởng ban kiểm soát	02/05/2024	
06	Giang Nam	12/10/1977	Cử nhân	Thành viên Ban kiểm soát	02/05/2024	
07	Lê Thanh Giàu	31/05/1989	Cử nhân	Thành viên Ban kiểm soát	02/05/2024	
08	Trương Quốc Vinh	08/08/1993	Cử nhân	Thành viên Ban kiểm soát	12/05/2020	02/05/2024

-Số lượng cán bộ, nhân viên/Number of staffs.

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2024 là 7 nhân viên văn phòng, công nhân và người lao động khác được tuyển dụng theo chỉ tiêu hàng tháng. Nhân viên văn phòng được phản ánh qua số liệu sau:

Khối văn phòng	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
01	Thạc sỹ	02	28,57%
02	Đại học	04	57,14%
03	Cao đẳng	01	14,29%
Tổng cộng		07	100,0%

Chính sách tuyển dụng lao động: Chỉ tuyển dụng lao động theo thời vụ, do nhu cầu cần và đủ. Chế độ đối với người lao động được thực hiện trả lương theo định kỳ hàng tháng, có kèm theo năng suất và kết quả lao động, chế độ khen thưởng, kỷ luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation.

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments:

Trong năm 2024 công ty chỉ duy trì hoạt động đối với những phần, mảng kinh doanh tự có, chưa mở rộng kinh doanh do thị trường chưa thuận lợi;

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies:

Công ty chưa thành lập các công ty Con do thị trường chưa thuận lợi. Hiện công ty có kết hợp với công ty liên kết Công ty cổ phần đầu tư Việt Việt Nhật nhưng trong năm 2024 kết hợp chưa hiệu quả;

4. *Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

Khoản mục	Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024	Tăng /giảm
Tài sản ngắn hạn	5.083.797.685	5.600.220.526	516.422.841
Tài sản dài hạn	16.510.302.871	16.510.302.871	0
Nợ ngắn hạn	502.196.312.513	502.577.837.450	381.525.937
Nợ dài hạn	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	(134.897.904)	(68.198.605)	(66.699.299)
Lợi nhuận sau thuế	(134.897.904)	(68.198.605)	(66.799.299)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(11)	(6)	(5)

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:* Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Trong đó có 1.176 cổ đông với tỷ lệ được phân bổ như sau:

STT	Họ và tên	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ 0%	Ghi chú
1	Cổ đông lớn	0	0	
2	Cổ đông nhỏ	11.764.250	99,885	

3	Cổ đông tổ chức	228.768	0.028	05 tổ chức
4	Cổ đông người nước ngoài	6.980	0,0869	04 người
Tổng cộng		11.999.998	100%	

b) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity:*
 Công ty không phát hành tăng vốn của chủ sở hữu trong năm.

c) *Giao dịch cổ phiếu quỹ/Transaction of treasury stocks:* Công ty không có cổ phiếu quỹ.

d) *Các chứng khoán khác/Other securities:* không có chứng khoán khác.

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. *Tác động lên môi trường:môi trường :* công ty cần quan tâm là sử lý nước thải theo trình tự và quy định,đảm bảo nước thải khi ra môi trường không gây ô nhiễm,gây hại cho sức khoẻ con người và các sinh vật khác.

6.2. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:*

a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*

b) *Hàng năm công ty sử dụng nguyên liệu đóng gói là các bao bì giấy,khối lượng hàng năm khoảng 90 tấn.*

c) *Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization:*

Số lượng nguyên liệu sử dụng lại không có do công ty nhập xuất cho đơn vị mua hàng hoá.

6.3. *Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly: chủ yếu là năng lượng điện tiêu thụ hàng năm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy: không

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/Water consumption (water consumption of business activities in the year).

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/Water supply and amount of water used: Chủ yếu sử dụng nguồn nước khai thác tự nhiên dưới lòng đất.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/Percentage and total volume of water recycled and reused : 100.000 m³/năm

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

Chưa bị xử phạt vi phạm lần nào.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Chưa bị xử phạt lần nào

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/Number of employees, average wages of workers:

Trung bình số lao động hàng năm 150 người, mức lương trung bình 8,5 triệu đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers:

Trang bị bảo Hộ lao động đầy đủ, có chế độ lương phụ cấp độc hại, tăng lương ca ngoài giờ làm việc hành chính.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/Employee training

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm : 120 giờ mỗi năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development: Tổ chức tập huấn mỗi năm theo kế hoạch.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community: Tham gia đóng góp tiền vào các hoạt động từ thiện hoặc góp quỹ giúp người nghèo hàng năm tại địa phương.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the SSC: Công ty chưa tham gia vào hoạt động thị trường này.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/*Reports and assessments of the Board of Management.*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

Kết quả theo kế hoạch chưa đạt được như mong muốn do tình hình kinh tế thị trường chưa ổn định, mặc dù vậy trong năm 2024 ban giám đốc công ty đã xử lý được các khoản nợ, các khoản phải thu, phải trả và đã tạo được lợi nhuận làm đà phát triển mạnh trong các năm tới. Nguồn vốn công ty đã được sử dụng hợp lý và có hiệu quả. Đã giữ và phát triển lượng khách hàng đáng kể so với mọi năm trước.

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2024, vốn chủ sở hữu công ty 502.196.312.513 đồng. So với vốn pháp định hiện đang bị thâm hụt đáng kể do một phần khi Ban giám đốc mới tiếp nhận công ty từ năm 2015 vốn hoá đã bị thiếu trầm trọng. Theo kế hoạch từ nay đến những năm sau công ty sẽ thông qua huy động vốn sẽ tạo lợi nhuận hàng năm, đồng thời xử lý tài sản và các khoản nợ tồn đọng;

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts: hiện công ty còn khoản nợ ngắn hạn 502.196.312.513 đồng, không có khoản nợ dài hạn. Khoản nợ này phát sinh trong giao dịch mua bán hàng hoá các bên chờ thanh*

toán và giao hàng nên không ảnh hưởng đến việc chi trả thanh toán sau này. Khoản nợ này không nhiều nên không ảnh hưởng nếu tỷ giá hối đoái thay đổi.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management:*

- Hiện nay tổ chức bộ máy tinh giản nhất có thể, nơi làm việc linh hoạt đáp ứng nhanh và thuận lợi.
- Chế độ đãi ngộ khen thưởng đi đôi thuyết phục.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future:*

- Mở rộng quy mô sản xuất
- Tăng vốn lưu động.
- Chiêu dụng nhân tài

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Báo cáo kiểm toán năm nay từ chối đưa ra ý kiến, nguyên nhân là do các số liệu báo cáo sử lý nợ giữa công ty kiểm toán và doanh nghiệp không thống nhất số liệu báo cáo. Đây cũng là sự thiệt thòi cho doanh nghiệp. Mặc dù vậy công ty quyết tâm sang năm 2025 báo cáo tài chính sẽ được công ty kiểm toán chấp nhận toàn phần với kế hoạch kinh doanh có kết quả thuyết phục.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company: Các chỉ tiêu về môi trường được chính quyền địa phương đánh giá tốt.*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.):*

Không ảnh hưởng môi trường nơi công ty sản xuất kinh doanh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues: Người lao động vào công ty do được đáp ứng các chế độ chính sách đãi ngộ tốt nhất nên khi làm việc tâm thái tích cực, đạt hiệu suất lao động cao.*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community: Công ty xây dựng và đóng góp văn hoá vật chất làm cho địa phương tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh phát triển.*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Tổ chức hoạt động của công ty trong kinh doanh thương mại đã đạt được kết quả nhất định, còn cần cố gắng hơn nữa trong năm 2025
- Công ty tạo được nề nếp làm việc cho mọi người tự giác, ôn hoà và cùng chia sẻ lợi ích

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance:

- Trong năm ban giám đốc đã cắt giảm mọi chi phí có thể, tạo tiền đề phát triển cho năm sau.
- Cần chú ý huy động nguồn vốn kinh doanh đạt kế hoạch đề ra.
- Chú ý tuyển dụng nhân sự cho năm nay;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors:

- Xây dựng kế hoạch đạt doanh thu năm 2025 là 200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế không dưới 50 tỷ, nộp thuế ngân sách nhà nước 10 tỷ đồng;
- Mở rộng thị trường thương mại;
- Quan tâm xây dựng nhà máy chế biến thủy sản tại tp Long Xuyên;

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch	0	0.00%

2	Trần Minh Trọng	Thành viên	0	0.00%
3	Uông Thị Hà	Thành viên	0	0.00%

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

b) *Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:*

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	02/2024/NQ-HĐQT	15/02/2024	Về việc chốt danh sách cổ đông tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2024
2.	30.03/2024/NQ-HĐQT	30/03/2024	Về việc họp ĐHĐCĐTN năm 2024
3.	02.05/2024/NQ-ĐHCD	02/05/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ TN năm 2024
4.	02.05/2024/NQ-HĐQT	02/05/2024	Bổ nhiệm Chủ Tịch HĐQT Nguyễn Thanh Sơn
5.	23.10/2024/NQ-HĐQT	23/10/2024	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
6.	24.12/2024/NQ-HĐQT	24/12/2024	Chọn công ty kiểm toán UHY

c) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of the Board of Directors' independent members:*

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm;

d) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:*

Có kế hoạch tham gia trường trình năm sau.

2. *Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee*

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee:*

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Phú Minh	Trưởng ban	0	0%
2	Giang Nam	Thành viên	0	0%
3	Lê Thanh Giàu	Thành viên	0	0%

Ban kiểm soát tổ chức họp trong năm 2 lần, mục đích để bổ nhiệm và đánh giá công tác của ban kiểm soát trong năm.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee*

- *Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2024 không nhận thù lao, Lương và các lợi ích khác của công ty;*
- *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: không*
- *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/Assessing the implementation of regulations on corporate governance:*

Việc quản trị công ty cần có sự đoàn kết trong nội bộ, nhất quán và thống nhất cao. Về việc này công ty cần phát huy mạnh mẽ hơn nữa.

VI. Báo cáo tài chính/*Financial statements*

1. *Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions: Từ chối đưa ra ý kiến.*
2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements(Đính kèm văn bản)*

An Giang, ngày 15 /04/2025

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn
Ông Trần Minh Trọng
Ông Nguyễn Quốc Cường
Bà Lê Thị Phương Thảo
Bà Uông Thị Hà

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02/05/2024)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02/05/2024)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 02/05/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Huy

Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2024 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Số: /2025/UHY-HN/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần NTACO

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần NTACO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2024 cũng như tại thời điểm kiểm toán. Đồng thời, trong năm đơn vị không tiến hành trích khấu hao tài sản cố định. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế do đó Chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị còn lại lần lượt là 13,03 tỷ và 3,48 tỷ đồng.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 01/01/2024 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 7,7 tỷ VND; 0,53 tỷ VND; 4,4 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,9 tỷ VND và 321,17 tỷ VND và tại ngày 31/12/2024 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 7,7 tỷ VND; 0,47 tỷ VND; 4 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,8 tỷ VND và 321,17 tỷ VND. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ nêu trên trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024.

Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng và trả trước cho người bán. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế nào khác nên chúng tôi không đưa ra tính chính xác của khoản dự phòng phải thu khó đòi được trình bày trên Bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp)

Công ty chưa trích khấu hao tài sản cố định hữu hình với giá trị 3,8 tỷ đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế nào khác nên chúng tôi không đưa ra tính chính xác của khoản khấu hao tài sản cố định được trình bày trên Bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty chưa trích trước các khoản lãi vay phải trả của các khoản vay ngân hàng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế nào khác nên chúng tôi không đưa ra tính chính xác của khoản trích trước lãi vay được trình bày trên Bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 29/10/2019, Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng, quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

Công ty đã bị Cục thuế tỉnh An Giang ra thông báo số 2853/TB-CT ngày 05/06/2019 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

Bên cạnh đó, năm 2024, lỗ lũy kế 600.602.191.957 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.602.211.957 đồng. Tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 497.112.514.828 đồng. Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2024 các khoản công nợ Phải trả người bán ngắn hạn, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Phải trả ngắn hạn khác với giá trị lần lượt 7,7 tỷ; 6,3 tỷ và 4,1 tỷ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty thanh toán. Theo đó giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính kèm theo Công ty vẫn đang lập theo giả định hoạt động liên tục.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



ĐẶNG MINH ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2025-112-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

LẠI TRƯỜNG DƯƠNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2021-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.083.797.685	5.600.220.526
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	15.765.007	23.931.719
Tiền	111		15.765.007	23.931.719
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.486.971.960	4.995.228.089
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	7.709.449.279	7.717.902.279
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	469.399.343	530.032.343
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.043.653.997	4.403.590.223
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.735.530.659)	(7.656.296.756)
Tài sản ngắn hạn khác	150		581.060.718	581.060.718
Thuế GTGT được khấu trừ	152		581.060.718	581.060.718
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.510.302.871	16.510.302.871
Tài sản cố định	220		16.510.302.871	16.510.302.871
Tài sản cố định hữu hình	221	8	13.026.882.871	13.026.882.871
- Nguyên giá	222		97.638.079.587	97.638.079.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.611.196.716)	(84.611.196.716)
Tài sản cố định vô hình	227	9	3.483.420.000	3.483.420.000
- Nguyên giá	228		3.483.420.000	3.483.420.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	10	1.335.000.000	1.335.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
TỔNG TÀI SẢN	270		21.594.100.556	22.110.523.397

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		502.196.312.513	502.577.837.450
Nợ ngắn hạn	310		502.196.312.513	502.577.837.450
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	7.788.701.845	7.918.501.845
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.227.930	67.227.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	6.313.315.060	6.313.315.060
Phải trả người lao động	314		743.268.001	743.268.001
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	161.751.631.437	161.751.631.437
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	4.120.000.000	4.371.724.937
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	321.171.538.900	321.171.538.900
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		240.629.340	240.629.340
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(480.602.211.957)	(480.467.314.053)
Vốn chủ sở hữu	410	16	(480.602.211.957)	(480.467.314.053)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(600.602.191.957)	(600.467.294.053)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(600.467.294.053)	(600.399.095.448)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(134.897.904)	(68.198.605)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		21.594.100.556	22.110.523.397

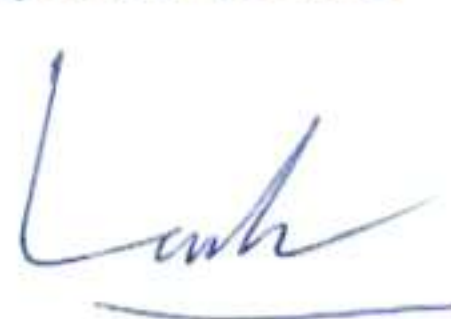
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Diệu Linh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Diệu Linh

Chủ tịch HĐQT



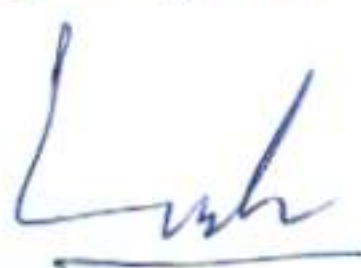
Nguyễn Thanh Sơn

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

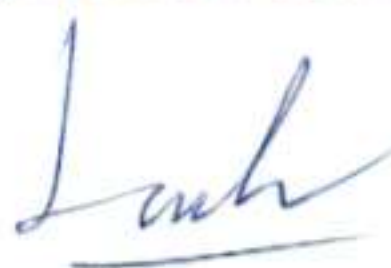
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.339	5.795
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	134.899.243	68.204.400
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(134.897.904)	(68.198.605)
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(134.897.904)	(68.198.605)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(134.897.904)	(68.198.605)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(11)	(6)

Người lập biểu



Nguyễn Diệu Linh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Diệu Linh

Ngày 31 tháng 03 năm 2025
Chủ tịch HĐQT



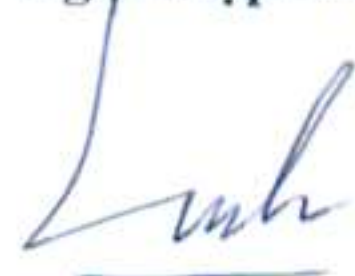
Nguyễn Thanh Sơn

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(134.897.904)	(68.198.605)
Điều chỉnh cho các khoản				
Các khoản dự phòng	03		79.233.903	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.339)	(5.795)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(55.665.340)	(68.204.400)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		429.022.226	4.445.068.659
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(381.524.937)	(4.372.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.168.051)	4.864.259
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.339	5.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.339	5.795
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.166.712)	4.870.054
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	23.931.719	19.061.665
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	15.765.007	23.931.719

Người lập biểu



Nguyễn Diệu Linh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Diệu Linh

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần NTACO (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1600513044 ngày 11 tháng 04 năm 2007, thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của công ty đặt tại: Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 119.999.980.000 VND.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra

Chế biến thủy sản; chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến, mua bán nông sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản (doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 06 tỷ đồng).

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong năm 2024, Công ty tạm dừng hoạt động kinh doanh, không phát sinh doanh thu. Chỉ phát sinh chi phí thuế kiểm toán và phí chuyển tiền.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 45
- Máy móc, thiết bị	08 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP***Doanh thu hoạt động tài chính***

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty thuộc Tổng Công ty và các công ty con cùng Tổng Công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	5.744.978	5.995.095
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.020.029	17.936.624
Cộng	15.765.007	23.931.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Global Trading Ltd.,	7.709.449.279	(7.032.477.319)	7.717.902.279	(6.363.958.359)
- Công ty Cổ phần Thiết kế Nội thất Nam Tiến	4.182.076.555	(4.182.076.555)	4.182.076.555	(4.182.076.555)
- Phải thu khách hàng khác	1.353.943.920	(676.971.960)	1.353.943.920	-
	2.173.428.804	(2.173.428.804)	2.181.881.804	(2.181.881.804)
Cộng	7.709.449.279	(7.032.477.319)	7.717.902.279	(6.363.958.359)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	469.399.343	(469.399.343)	530.032.343	(473.748.174)
- Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep	177.969.960	(177.969.960)	177.969.960	(177.969.960)
- Các khoản khác	84.463.227	(84.463.227)	84.463.227	(84.463.227)
	206.966.156	(206.966.156)	267.599.156	(211.314.987)
Cộng	469.399.343	(469.399.343)	530.032.343	(473.748.174)

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.043.653.997	(233.653.997)	4.403.590.223	(818.590.223)
- Tạm ứng	233.653.997	(233.653.997)	233.653.997	(233.653.997)
- Phải thu khác	3.810.000.000	-	4.169.936.226	(584.936.226)
+ Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.810.000.000	-	3.585.000.000	-
+ Các khoản khác	-	-	584.936.226	(584.936.226)
Cộng	4.043.653.997	(233.653.997)	4.403.590.223	(818.590.223)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
31/12/2024	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(24.092.881.352)	(59.294.593.608)	(579.163.636)	(644.558.120)	(84.611.196.716)
31/12/2024	(24.092.881.352)	(59.294.593.608)	(579.163.636)	(644.558.120)	(84.611.196.716)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871
31/12/2024	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất không thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.335.000.000)
Công ty Cổ phần Âu Việt (**)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.335.000.000)
Cộng	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.335.000.000)

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2024. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Âu Việt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	7.788.701.845	7.788.701.845	7.918.501.845	7.918.501.845
- Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321	873.459.321	873.459.321
- Công ty TNHH Xây dựng Phúc Thiện	112.320.000	112.320.000	112.320.000	112.320.000
- Các khoản phải trả người bán khác	802.922.524	802.922.524	932.722.524	932.722.524
Cộng	7.788.701.845	7.788.701.845	7.918.501.845	7.918.501.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.244.535.520	-	-	1.244.535.520
- Thuế tài nguyên	6.600.000	-	-	6.600.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.160.695.320	-	-	3.160.695.320
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.901.484.220	-	-	1.901.484.220
Cộng	6.313.315.060	-	-	6.313.315.060

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	321.171.538.900	-	-	321.171.538.900
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN An Giang (i)	236.613.778.977	-	-	236.613.778.977
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN An Giang (ii)	25.126.740.856	-	-	25.126.740.856
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam - CN An Giang (iii)	53.317.842.389	-	-	53.317.842.389
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN An Giang (iv)	3.512.715.551	-	-	3.512.715.551
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN An Giang (v)	1.600.461.127	-	-	1.600.461.127
Vay cá nhân ông Dương Thái Nguyên (vi)	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Cộng	321.171.538.900	-	-	321.171.538.900

(*) Các khoản vay này đã quá hạn từ lâu và Công ty chưa có khả năng thanh toán cho các khoản vay này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp)**

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng hạn mức số 201/2010/NHNT.AG ngày 15/6/2010 và các Hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm hợp đồng 201/2010/NHNT.AG). Với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, nhà máy, văn phòng làm việc, máy móc thiết bị.
- (ii) Vay Ngân hàng NN&PTNT tỉnh An Giang theo Hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22/5/2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là Quyền sở hữu công trình xây dựng, hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/HĐTC ngày 22/5/2013.
- (iii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo các Hợp đồng tín dụng số 48/2014/HĐTDXH-NHPT-ĐT.AG ngày 19/5/2014. Mục đích vay để thực hiện phương án kinh doanh mặt hàng xuất khẩu cá tra. Lãi suất vay theo từng Kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba và các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng – CN An Giang theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20/05/2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng hóa tồn kho cá thành phẩm.
- (v) Vay theo Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDNT2-VIB621/11 ngày 16/03/2011 và các Phụ lục hợp đồng. Hạn mức 9 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho, dây chuyền sản xuất từ cá phế phẩm.
- (vi) Đây là các khoản vay từ các cá nhân phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là dưới 12 tháng. Lãi suất từ 1% đến 1,2%/tháng.

Ngày 29/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên cũng tuyên bản án sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST về việc buộc Công ty Cổ phần NTACO có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng; lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng và lãi quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	161.751.631.437	161.751.631.437
- Lãi vay phải trả	161.751.631.437	161.751.631.437
Cộng	161.751.631.437	161.751.631.437

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	4.120.000.000	4.371.724.937
- Kinh phí công đoàn	-	26.594.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	4.120.000.000	4.120.000.000
- Ông Trần Minh Trọng	-	205.130.937
- Phải trả khác	-	20.000.000
Cộng	4.120.000.000	4.371.724.937

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 22.1

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2023	119.999.980.000	(600.399.095.448)	(480.399.115.448)
- Lỗi trong năm trước	-	(68.198.605)	(68.198.605)
31/12/2023	119.999.980.000	(600.467.294.053)	(480.467.314.053)
01/01/2024	119.999.980.000	(600.467.294.053)	(480.467.314.053)
- Lỗi trong năm nay	-	(134.897.904)	(134.897.904)
31/12/2024	119.999.980.000	(600.602.191.957)	(480.602.211.957)

16.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.339	5.795
Cộng	1.339	5.795

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí dự phòng	79.233.903	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.665.340	68.204.400
Cộng	134.899.243	68.204.400

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(134.897.904)	(68.198.605)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(134.897.904)	(68.198.605)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(134.897.904)	(68.198.605)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(134.897.904)	(68.198.605)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(11)	(6)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***21. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty không cung cấp bất kỳ loại hàng hóa hay dịch vụ nào. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**22.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	Ông Nguyễn Thanh Sơn là đồng Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT

Giao dịch với bên liên quan (*)

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Cho mượn tiền	4.120.000.000	3.770.000.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn	4.120.000.000	3.770.000.000
Thu tiền cho mượn	4.100.130.937	4.657.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	-	4.120.000.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.895.000.000	537.000.000
Ông Trần Minh Trọng	205.130.937	-

Số dư với các bên liên quan (*)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khác		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.810.000.000	3.585.000.000
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	4.120.000.000	4.120.000.000
Ông Trần Minh Trọng	-	205.130.937

(*) Trong năm Công ty phát sinh giao dịch chỉ cho ông Nguyễn Thanh Sơn – Chủ tịch hội đồng Quản trị mượn tiền số tiền 4.120.000.000 đồng. Số dư tại ngày 31/12/2024 của ông Nguyễn Thanh Sơn là 3.810.000.000 đồng. Tuy nhiên các giao dịch này chưa được Hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

22.2 KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Năm 2024, Công ty lỗ 134.897.904 đồng, lỗ lũy kế 600.602.191.957 đồng làm vốn chủ sở hữu giảm 480.602.211.957 đồng. Tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 497.112.514.828 đồng

Ngày 29/10/2019, Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi đến hạn, quá hạn là: 152.184.436.609 đồng. Ngoài ra công ty còn có các khoản nợ gốc vay Ngân hàng khác đã đến hạn nhưng chưa có khả năng chi trả.

Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2024 các khoản công nợ Phải trả người bán ngắn hạn, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Phải trả ngắn hạn khác với giá trị lần lượt 7,7 tỷ; 6,3 tỷ và 4,1 tỷ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty thanh toán.

Trong năm 2024, Công ty tạm dừng các hoạt động kinh doanh, không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chỉ phát sinh chi phí kiểm toán và phí chuyển tiền.

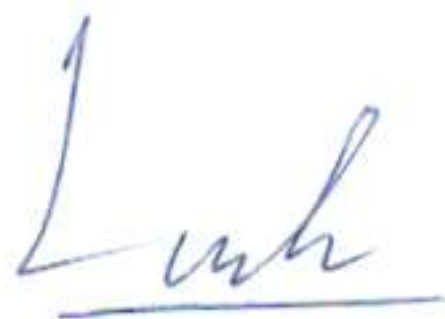
Các yếu tố trên dẫn tới sự nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Điều hành đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng, kho đông lạnh nhằm rồi để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

22.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

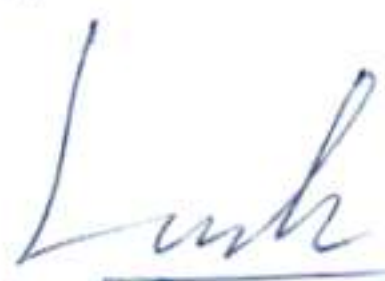
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Diệu Linh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Diệu Linh

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thanh Sơn